TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập - Tự do - Hạnhphúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNTÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Trần Thị Thu Thảo**.
- Ông **Lê Văn Thưởng**.

-*Thư ký phiên tòa*: Ông **Phan Văn Chung**–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

-Đai diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Dáng Hương**- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2022/TLST-HN ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 11 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm T1, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn:*Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993 (vắng mặt);

HKTT: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chổ ở hiện nay: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-07-2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Chị Lê Thị Cẩm T1 và anh Nguyễn Văn T2 chung sống với nhau vào năm

2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (Nay là Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang) vào ngày 24-12-2018. Thời gian đầu chị T1 và anh T2 chung sống đầm ấm, hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị và anh T2 bất đồng quan điểm sống, anh T2 không lo làm ăn phụ giúp gia đình, chị đã nhiều lần cho anh T2 cơ hội để anh sửa đổi, mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh T2 đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị T1 yêu cầu ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/02/2016 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 15/4/2019, hiện nay đang sống chung với chị T1. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thành N; chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho cháu Đ và cháu N.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T2:

Quá trình thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã tiến hành tống đạt đủ các văn bản tố tung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh T2 không đến tham dự và cũng không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1 cho Tòa án.

Tại phiên toà hôm nay, chị T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T2 vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dânsự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, cho chị T1 ly hôn với anh T2, giao 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/02/2016 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 15/4/2019 cho chị T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho 02 con

chung tên Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thành N, nên không đặt ra xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, chị T1 có đơn xin vắng mặt; anh T2 vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1, anh T2 là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị T1 và anh T2 chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (Nay là Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang); anh T2 có xác nhận tạm trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên chị T1 khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp "Xin ly hôn".

[3] Xét tình cảm vợ chồng: Thời gian đầu chị T1 và anh T2 chung sống đầm ấm, hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị và anh T2 bất đồng quan điểm sống, anh T2 không lo làm ăn phụ giúp gia đình, chị đã nhiều lần cho anh T2 cơ hội để anh sửa đổi, mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh T2 đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Bị đơn anh T2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và cũng không thể hiện ý chí, nên xem như anh T2 từ bỏ quyền lợi trình bày của mình. Nay chị T1 xin ly hôn với anh T2 là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, cho chị T1 được ly hôn với anh T2 là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/02/2016 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 15/4/2019, hiện nay đang sống chung với chị T1. Xét thấy, để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho cháu Đ và cháu N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 cháu Đ và cháu N cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thành N, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm T1.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Cẩm T1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/02/2016 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 15/4/2019 cho chị Lê Thị Cẩm T1 tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T2 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003217 ngày 05-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T1 đã thi hành xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị T1, anh T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Toàn